TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TỈNH THÁI BÌNH	**Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 28/2018/DS-PT
Ngày: 09- 11 -2018
V/v Đòi lại di sản thừa kế

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2018/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 về "*Tranh chấp về đòi lại di sản thừa kế*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2018/QĐXXPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52 ngày 29/10/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1955;

Nơi cư trú: Số nhà 46, Tổ 8, phường T Th , thành phố Đ B , tỉnh ĐB

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1934

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Tiến Kh, sinh năm 1966

Đều trú tại: Thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: ông Lê Chí D – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác không kháng cáo Tòa án không Tr tập

Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh

(Tại phiên tòa có mặt bà Nh, anh Kh, ông D, vắng mặt bà H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh trình bày: Nguồn gốc các thửa đất 296, 298 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 tại thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình là của bà Nguyễn Thị Ch (chị gái bà Nh). Bà Ch không có chồng, con. Năm 1989 bà Ch chết thì các thửa đất trên do ông Nguyễn Tiến Ng và bà Nguyễn Thị H (chú ruột và thím dâu của bà Ch) quản lý sử dụng từ đó đến nay. Các thửa đất trên không có việc chuyển nhượng, tặng cho đối với ông Ng (đã chết) và bà H. Bà Nguyễn Thị Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh (con trai bà H, ông Ng) phải trả lại toàn bộ diện tích thửa đất 296 diện tích 175m^2 và thửa đất 298 diện tích 160m^2 tại bản đồ số 09 thôn M, xã T H. Riêng thửa đất 296 bà H đã làm công trình phụ và bếp năm 2013 và một phần nhà ở năm 1992, bà Nh yêu cầu bà H, anh Kh phải tháo dỡ nhà ở và công trình phụ để trả lại đủ diện tích đất là 175m^2 như trong bản đồ năm 1986.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Tiến Ng kết hôn và sinh sống tại thửa đất 297, diện tích 152m^2 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986. Bà H thừa nhận thửa đất 296, 298 là của bà Ch, do bà Ch sống một mình không chồng, không con nên chồng bà đã mua lại 02 thửa đất trên của bà Ch với giá 1.000.000đ. Việc mua bán bà chỉ nghe ông Ng nói và không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh nên bà thừa nhận không có việc mua bán nêu trên. Nay bà Nh khởi kiện yêu cầu bà phải trả lại hai thửa đất 296, 298 quan điểm của bà như sau: bà đồng ý trả lại toàn bộ thửa đất 298, một phần thửa đất 296, phần đất còn lại của thửa 296 do bà, ông Ng và anh Kh đã xây dựng nhà cấp 4, nhà vệ sinh, nhà bếp còn giá trị sử dụng nên bà chấp nhận thanh toán giá trị bằng tiền cho bà Nh. Trên thửa đất 298 có tường bao, 01 cây hòe, 01 cây bưởi, 02 cây vải và trên phần diện tích đất của thửa 296 có 01 cây xoài, tường bao, 01 bể nước mưa, bà H chấp nhận cho bà Nh sử dụng các tài sản trên khi nhận lại quyền sử dụng đất. Bà H chưa yêu cầu bà Nh phải thanh toán công sức bảo quản, tôn tạo quyền sử dụng đất của 02 thửa đất 296, 298 và công đôn san lấp cát của thửa đất số 298.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Tiến Kh, chị Nguyễn Thị H1, anh Nguyễn Tiến Th , anh Nguyễn Tiến Th1 (con ông Ng, bà H) đồng ý với quan điểm của mẹ là bà Nguyễn Thị H.

Ông Nguyễn Tiến S , Nguyễn Tiến Đ , Bùi Văn H , Bùi Thị Th , Bùi Thị Th1, Bùi Văn Đ (cháu của bà Ch) đều nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh, phần diện tích đất mà các anh chị được hưởng thừa kế nhất trí nhường lại cho bà Nh toàn quyền quyết định.

Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 155; 166; 175; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652 và điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 1 Luật đất đai 1987; Điều 100; 103; 203 Luật đất đai 2013; Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xác định thửa đất số 296 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích là 175m^2 và thửa đất số 298 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ là 191,1m^2 tại thôn M, xã Hòa Tiến, huyện H H, tỉnh Thái Bình là của bà Nguyễn Thị Ch

2. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bà Nguyễn Thị Nh với bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh cụ thể như sau: bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh trả lại bà Nguyễn Thị Nh thửa đất 298, tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc cụ thể theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 diện tích 191,1m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Nh (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 14 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 3-4-5-6) có chiều dài 7,5m giáp với đường giao thông xóm

Phía Tây (từ điểm 8-9-10-11-12-13-13-1) có chiều dài 21,37m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

Phía Nam (từ điểm 6-7-8) có chiều dài 15,01m giáp thửa đất 297 của ông Nguyễn Tiến Ng

Phía bắc (từ điểm 1-2-3) có chiều dài 8,98m giáp nhà ông Nguyễn Tiến T và bà Trần Thị Ch

Trên diện tích đất có 37,77m tường bao, 01 cây hòe, 01 cây bưởi, 02 cây vải bà Nguyễn Thị Nh được quyền sử dụng

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nh, buộc bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh trả lại bà Nguyễn Thị Nh một phần thửa đất số 296 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2017 có diện tích 89,4m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Nh. (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 10 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 2-3) có chiều dài 8,39m giáp thửa đất 297 nhà bà

Nguyễn Thị H

Phía Tây (từ điểm 7-8-9-19-1) có chiều dài 21,37m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

Phía Nam (từ điểm 3-4-5-6-7) có chiều dài 10,77m giáp ngõ đi chung của thôn M

Phía bắc (từ điểm 1-2) có chiều dài 10,96m giáp thửa đất cũ 296

Trên diện tích đất có 8,06m tường bao, 01 bể nước, sân gạch không còn giá trị sử dụng và 01 cây xoài bà Nguyễn Thị Nh được quyền sử dụng

4. Bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 34.240.000đ, bà H và anh Kh có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hành chính đối với một phần thửa đất 296, tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/7/2017 có diện tích 85,6m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh tại thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình. (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 6 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 3-4) có chiều dài 8,07m giáp thửa đất 297 nhà bà Nguyễn Thị H

Phía Tây (từ điểm 5-6-1) có chiều dài 5,21m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Ch

Phía Nam (từ điểm 4-5) có chiều dài 10,96m giáp giáp thửa đất cũ 296

Phía bắc (từ điểm 1-2-3) có chiều dài 11,7m giáp với thửa đất của ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

5. Về việc tạm giao diện tích đất thừa như sau:

Tạm giao diện tích đất chênh lệch (thừa) theo đo đạc năm 1986 và năm 2006 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và đo lại bằng máy toàn đạc ngày 10/8/2017 diện tích đất tăng thêm của thửa 297 là 44m^2 cho bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh quản lý sử dụng.

Tạm giao diện tích đất chênh lệch (thừa) theo đo đạc năm 1986 và năm 2006 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và đo lại bằng máy toàn đạc ngày 10/8/2017 diện tích đất tăng thêm của thửa 298 là 31,1m^2 cho bà NguyễnThị Nh quản lý sử dụng

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 23/4/2018, bà Nguyễn Thị Nh kháng cáo toàn bộ bản án của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện buộc bà H trả lại đất cho gia đình bà, diện tích tăng thêm chia theo tỷ lệ mét vuông đo năm 1986.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị H là bị đơn có đơn xin vắng mặt vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bà H

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định quan hệ pháp luật:

Bà Nguyễn Thị Nh khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H phải trả lại diện tích đất thuộc thửa 296 và thửa 298 của bà Nguyễn Thị Ch (chị gái bà Nh chết năm 1989) do bà H đang quản lý, sử dụng, bà H không thuộc diện và hàng thừa kế của bà Ch do đó phải xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại di sản thừa kế. Án sơ thẩm xác định đòi lại quyền sử dụng đất là chưa chính xác, cần sửa án sơ thẩm về quan hệ pháp luật

[2.2] Về xác định người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

Bố mẹ bà Ch đã chết trước bà Ch, bà Ch không có chồng, con nên hàng thừa kế thứ nhất của bà Ch không còn, vì vậy hàng thừa kế thứ hai được hưởng. Hàng thừa kế thứ hai của bà Ch gồm bà Nguyễn Thị Nh và ông Nguyễn Tiến Tr; ông Tr chết năm 1970 chết trước bà Ch nên không được hưởng thừa kế của bà Ch mà chỉ có một mình bà Nh được hưởng. Án sơ thẩm xác định các con của ông Nguyễn Tiến Tr là những người thừa kế thế vị của ông Nguyễn Tiến Tr và đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2015.

[2.3] Theo bản đồ đo đạc 299, thửa đất 296 diện tích 175m^2 đất thổ và thửa đất 296 có diện tích 160m^2 đất ao, tờ bản đồ số 09 tại thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Ch; thửa đất 297 diện tích 152m^2 thuộc quyền sử dụng ông Nguyễn Tiến Ng và bà Nguyễn Thị H. Năm 1989 bà Ch chết, ông Ng, bà H quản lý sử dụng cả 3 thửa đất trên, quá trình

sử dụng năm 1992 ông Nguyễn Tiến Ng đã xây trên phần đất của thửa 296 một nhà cấp 4, đến năm 2013 tiếp tục xây công trình phụ; đối với thửa 298 gia đình ông Ng đã san lấp thành vườn. Năm 2006 tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất thì ba thửa đất trên mang tên ông Nguyễn Tiến Ng có tổng diện tích là 561,3m^2 trong đó có 327m^2 đất thổ cư và 234,3m^2 đất LNK thuộc thửa 83, tờ bản đồ số 7.

[2.4] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nh đòi bà H và anh Kh phải trả đủ diện tích đất của thửa 296 thấy: Từ năm 1989 sau khi bà Ch mất, ông Ng và bà H trực tiếp quản lý sử dụng thửa đất trên, quá trình sử dụng ông Ng đã tiến hành xây dựng nhà cấp 4 năm 1992, năm 2013 tiếp tục xây công trình phụ, việc ông Ng xây dựng các công trình trên đất bà Nh đều biết nhưng không có ý kiến gì. Nay các công trình ông Ng xây dựng trên thửa 296 đều còn giá trị sử dụng (kết quả định giá là 97.769.040đ), bà H và anh Kh đang sinh sống ổn định và có nhu cầu tiếp tục sử dụng, mặt khác bà Nh hiện không sinh sống tại địa phương không có nhu cầu sử dụng. Vì vậy án sơ thẩm buộc bà H và anh Kh phải trả lại một phần diện tích đất của thửa 296 và buộc bà H, anh Kh phải thanh toán giá trị phần diện tích đất đã xây công trình kiên cố trên thửa 296 là có căn cứ. Việc bà Nh yêu cầu bà H phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất để trả lại toàn bộ diện tích đất của thửa 296 là không phù hợp.

[2.5] Xét yêu cầu kháng cáo về việc phân chia phần diện tích tăng thêm của thửa đất: Qua đo đạc xem xét thẩm định tại chỗ diện tích của ba thửa đất tăng lên so với đo đạc theo Chỉ thị 299 là 75,1m^2. Do hiện nay ranh giới giữa ba thửa đất không xác định được cụ thể, Ủy ban nhân dân xã T H, huyện H H đề nghị căn cứ vào thửa 296 làm chuẩn để xác định ranh giới, mốc giới của các thửa đất. Do đó án sơ thẩm đã lấy thửa 296 làm căn cứ để xác định mốc giới của thửa 297 và 298 và xác định số diện tích tăng thêm qua đo đạc hiện trạng của thửa 287 là 44m^2 và thửa 298 là 31,1m^2 chứ không chia theo tỷ lệ mét vuông là phù hợp.

[3] Về các vấn đề khác:

[3.1] Việc bà H và anh Kh trả lại thửa đất 298 là sự tự nguyện của bà H và anh Kh, không có sự thỏa thuận giữa các đương sự nhưng án sơ thẩm lại tuyên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là chưa chính xác, cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

[3.2] Án sơ thẩm tuyên buộc bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh phải liên đới thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh số tiền 34.240.000đ nhưng không tuyên kỷ phần của từng người là thiếu sót. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Kh thừa nhận khi bố mẹ anh xây dựng công trình phụ năm 2013 anh có đóng góp với bố mẹ anh một ít nhưng đó là anh cho bố mẹ, nay anh xác định các tài sản trên vẫn là của bố mẹ anh, vì vậy các tài sản trên một phần thửa đất 296 được xác định là của bà H và ông Ng, nay bà H quản lý, sử dụng thì bà H phải có trách nhiệm thanh toán giá trị tiền đất cho bà Nh. Do đó cần sửa án sơ thẩm, buộc bà H phải bồi thường cho bà Nh số tiền 34.240.000đ.

[3.2] Đối với phần diện tích tăng thêm qua xác minh có sự tăng thêm về diện tích là do sai số trong đo đạc, không có sự lấn chiếm, không có sự tranh chấp với các hộ liền kề, như vậy là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của các đương sự, án sơ thẩm tuyên tạm giao phần diện tích tăng thêm cho các đương sự là chưa chính xác.

[4] Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh, tuy nhiên do án sơ thẩm có một số sai sót nhưng chưa đến mức phải hủy án vì vậy cấp phúc thẩm cần sửa lại cho phù hợp.

[5] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị sửa nên bà Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H có đơn xin miễn án phí vì vậy cần miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Điều 155; 166; 175; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ vào Điều 1 Luật đất đai 1987; Điều 100; 103; 203 Luật đất đai 2013 điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Nh. Song cần sửa bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 17/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình. Cụ thể:

1.1. Xác định thửa đất số 296 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ có diện tích là 175m^2 và thửa đất số 298 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 là 191,1m^2 tại thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình là của bà Nguyễn Thị Ch

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nh về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh trả lại thửa đất 298; ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh: bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh trả lại bà Nguyễn Thị Nh thửa đất 298, tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc cụ thể theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 diện tích 191,1m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Nh (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 14 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 3-4-5-6) có chiều dài 7,5m giáp với đường giao thông xóm

Phía Tây (từ điểm 8-9-10-11-12-13-13-1) có chiều dài 21,37m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

Phía Nam (từ điểm 6-7-8) có chiều dài 15,01m giáp thửa đất 297 của ông

Nguyễn Tiến Ng

Phía bắc (từ điểm 1-2-3) có chiều dài 8,98m giáp nhà ông Nguyễn Tiến T và bà Trần Thị Ch

Trên diện tích đất có 37,77m tường bao, 01 cây hòe, 01 cây bưởi, 02 cây vải bà Nguyễn Thị Nh được quyền sử dụng

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nh về việc yêu cầu bà H và anh Kh phải trả lại thửa đất 296, buộc bà Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến Kh trả lại bà Nguyễn Thị Nh một phần thửa đất số 296 tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 có diện tích 89,4m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị Nh. (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 10 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 2-3) có chiều dài 8,39m giáp thửa đất 297 nhà bà Nguyễn Thị H

Phía Tây (từ điểm 7-8-9-19-1) có chiều dài 21,37m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

Phía Nam (từ điểm 3-4-5-6-7) có chiều dài 10,77m giáp ngõ đi chung của thôn M

Phía bắc (từ điểm 1-2) có chiều dài 10,96m giáp thửa đất cũ 296

Trên diện tích đất có 8,06m tường bao, 01 bể nước, sân gạch không còn giá trị sử dụng và 01 cây xoài bà Nguyễn Thị Nh được quyền sử dụng

1.4. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Nh trị giá 85,6m^2 đất của thửa 296 là 34.240.000đ, bà H có trách nhiệm liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hành chính đối với một phần thửa đất 296, tờ bản đồ số 09 đo đạc năm 1986 và được đo đạc theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/8/2017 có diện tích 85,6m^2 là quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị H tại thôn M, xã T H, huyện H H, tỉnh Thái Bình do không chấp nhận yêu cầu của bà Nh về việc buộc bà H, anh Kh tháo dỡ công trình xây dựng trên đất. (Ranh giới, hiện trạng thửa đất được giới hạn bởi các điểm từ 1 đến 6 có sơ đồ kèm theo). Tứ cận như sau:

Phía đông (từ điểm 3-4) có chiều dài 8,07m giáp thửa đất 297 nhà bà Nguyễn Thị H

Phía Tây (từ điểm 5-6-1) có chiều dài 5,21m giáp với nhà ông Nguyễn Tiến Ch

Phía Nam (từ điểm 4-5) có chiều dài 10,96m giáp giáp thửa đất cũ 296

Phía bắc (từ điểm 1-2-3) có chiều dài 11,7m giáp với thửa đất của ông Nguyễn Tiến Kh1 và bà Nguyễn Thị Nh1

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các

khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Nh không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại bà Nh 300.000đ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0005141 ngày 24/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Thái Bình. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 09/11/2018./.

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục Thi hành án nhân dân h H H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lương Hải Yến

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - H phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 45 phút, ngày 11 tháng 7 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Thái Hà

- Bà Lương Hải Yến.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Dậu , sinh năm 1972

Nơi cư trú: Số nhà 13, phố Nguyễn Đình Chính , tổ 15, phường Kỳ Bá , thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình .

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức Kiền , sinh năm 1951

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 02, phố Nguyễn Bảo , Tổ 33, phường Đề Thám , thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình .

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ

CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[1] Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Dậu. Xử giữ nguyên bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 06/02/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình về lãi quá hạn và án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 145, 146, 202, 207, 227, 229, 233, 244, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 305, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của của bà Phạm Thị Dậu: Xử buộc ông Nguyễn Đức Kiền phải trả cho bà Phạm Thị Dậu số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng (*Sáu trăm năm mươi Tr đồng*) và tiền lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn số tiền là 324.187.500 đồng (*Ba trăm hai mươi bốn Tr một trăm tám mươi bẩy ngàn năm trăm đồng*); Tổng số tiền ông Kiền phải trả cho bà Dậu là 974.187.500 đồng (*chín trăm bẩy tư Tr một trăm tám mươi bẩy ngàn năm trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Không chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Dậu về tiền lãi là 711.652.500 đồng.

[1.3] Đình chỉ yêu cầu của bà Phạm Thị Dậu về việc buộc bà Bùi Thị Thanh phải liên đới trả nợ gốc và nợ lãi cùng ông Nguyễn Đức Kiền.

[1.4] Về án phí: Buộc ông Nguyễn Đức Kiền phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.225.625 đồng. Buộc bà Phạm Thị Dậu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 32.466.100 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị Dậu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ bà Dậu đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0006907 ngày 28/02/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút, ngày 11tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		**CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA**
CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN**
Nguyễn Thái Hà	**Lương Hải Yến**	**Nguyễn Thị Thanh Bình**